

Bản án số: 209/2022/KDTM- PT.

Ngày 13/12/2022.

“V/v tranh chấp hợp vay vốn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh và ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: bà Nguyễn Thị Hoa- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 148/2022/KTPT ngày 19/10/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay vốn do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2022/KDTM- ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm Hà Nội bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 515/2022/QĐXX- PT ngày 31/10/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 585/2022/QĐPT- HPT ngày 28/11/2022, giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần vật liệu và XDHN

Trụ sở: quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn- Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Minh Q, ông Đoàn Hải N (theo giấy ủy quyền số 12/UQ- CT ngày 15/6/ 2020) (ông Q vắng mặt, ông N có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hoàng Văn Dũng, Luật sư Nguyễn Văn Thái, Công ty Luật Bross và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội (ông Dũng, ông Thái vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Công ty cổ phần bê tông XDHN

Trụ sở:quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: bà Lê Thanh H- Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Lê C- Trưởng phòng tổng hợp (theo giấy ủy quyền số 48/UQ - CTCPBT ngày 25/11/2022) và ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1976, địa chỉhuyện Đan Phượng, TP Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 23/6/ 2021) (ông C vắng mặt, ông Hưng có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh Tùng, thuộc văn phòng Luật sư Phạm Hồng Hải & Cộng sự (địa chỉ số 17, đường

Trung Yên 10, lô 11B, khu đô thị Trung Yên, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội (ông Tùng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Công ty cổ phần vật liệu và XDHN do người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 18/7/2012, Công ty cổ phần vật liệu và XDHN (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) cùng với Công ty cổ phần bê tông XDHN (sau đây gọi tắt là bị đơn) ký kết Hợp đồng vay vốn số 02/2012/HĐVV (gọi tắt là Hợp đồng số 02), theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay khoản tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất là 10%/năm, thời hạn 09 tháng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 02, bị đơn đã hai lần xin gia hạn trả nợ lần lượt thông qua hình thức ký kết Hợp đồng bổ sung, sửa đổi số 01/2013/BSSD ngày 30/5/2013 và Hợp đồng bổ sung, sửa đổi số 03/2013/BSSD ngày 31/12/2013. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay theo Hợp đồng số 02 là ngày 30/6/2014.

Ngày 16/8/2012, hai bên tiếp tục ký Hợp đồng vay vốn số 04/2012/HĐVV (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 04) và giấy ghi nhận nợ xác nhận nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay 2.200.000.000 đồng với lãi suất là 10%/năm, thời hạn 09 tháng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 04, bị đơn đã hai lần xin gia hạn trả nợ lần lượt thông qua hình thức ký kết Hợp đồng bổ sung, sửa đổi số 02/2013/BSSD ngày 30/5/2013 và Hợp đồng bổ sung, sửa đổi số 04/2013/BSSD ngày 31/12/2013. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay theo Hợp đồng số 04 là ngày 30/6/2014.

Ngày 31/7/2014, các bên ký đối chiếu công nợ và cùng thống nhất đến thời điểm 31/7/2014, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 4.209.275.715 đồng, trong đó 4.000.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 209.275.715 đồng là tiền lãi phát sinh từ tháng 01/2014 đến tháng 7/2014.

Ngày 26/10/2015, bị đơn gửi nguyên đơn Công văn số 200 CV trình bày các khó khăn về tài chính và xác nhận bị đơn là đơn vị chịu trách nhiệm hành chính trong việc thanh toán các khoản công nợ với khách hàng... Tuy nhiên, trên thực tế bị đơn không hợp tác trong việc thanh toán các khoản nợ cho nguyên đơn như cam kết.

Nguyên đơn liên tục gửi các văn bản yêu cầu thanh toán khoản nợ nêu trên cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không phối hợp thực hiện nghĩa vụ.

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bị đơn thanh toán số tiền công nợ gốc phát sinh từ các Hợp đồng vay vốn số 02 và 04 toàn bộ số tiền là 4.000.000.000 đồng (theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/7/2014);

- Buộc bị đơn thanh toán khoản lãi vay phát sinh từ số tiền nợ gốc với lãi suất 10%/năm theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 02 và 04 từ tháng 01/2014 đến tháng 7/2014 là 209.275.715 đồng;

- Buộc bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm trả tạm tính từ ngày 01/8/2014 đến ngày 31/12/2016 với lãi suất 9%/năm theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 là 870.904.110 đồng;

- Buộc bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm trả tạm tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 04/11/2020 với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 là 1.537.534.247 đồng.

Như vậy, tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/11/2020 bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 6.617.714.071 đồng.

Bị đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn xác nhận có việc nguyên đơn và bị đơn ký kết 02 Hợp đồng số 02 và số 04 và xác nhận nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay 4.200.000.000 đồng với lãi suất là 10%/năm, vay trong thời hạn 09 tháng. Hai phiếu thu ngày 18/7/2012 và 16/8/2012, do Tổng giám đốc là ông Nguyễn Gia Dũng và thủ quỹ là bà Chu Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Tuyết Hiếu có ký nhận số tiền 4.200.000.000 đồng và bị đơn đã sử dụng con dấu của Công ty ký xác nhận số tiền trên.

Hiện tại, trong sổ sách kế toán của bị đơn không thể hiện bị đơn đã nhận số tiền trên. Hợp đồng bổ sung, sửa chữa số 01, 02 ngày 30/5/2013, số 03, 04 ngày 31/12/2013 bổ sung cho Hợp đồng số 02 và Hợp đồng số 04 do Tổng giám đốc ông Nguyễn Gia Dũng và ông Lê Văn Oai ký kết là đúng. Tại thời điểm ký kết, ông Dũng và ông Oai đều là Tổng giám đốc của bị đơn. Bị đơn xác nhận có Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/7/2014, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 4.000.0000.000 đồng và tiền lãi là 209.275.715 đồng (thời điểm đó ông Lê Văn Oai là Tổng giám đốc của bị đơn). Ngày 26/10/2015, bị đơn có gửi Công văn số 200/CV về việc giải quyết công nợ trên cho nguyên đơn do bà Lê Thanh Hương Chủ tịch hội đồng quản trị của bị đơn ký.

Nay nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ bao gồm cả gốc và lãi tính đến ngày 04/11/2020 là 6.617.714.071 đồng, quan điểm của bị đơn là 02 Hợp đồng số 02 và 04 bị vô hiệu vì ông Nguyễn Gia Dũng, Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật của bị đơn ký kết hợp đồng mà không có sự đồng ý của Hội đồng quản trị hay Đại hội đồng cổ đông là trái pháp luật theo Điều lệ của bị đơn. Thời điểm nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án đã quá 02 năm so với Biên bản xác nhận công nợ trên nên nguyên đơn không có quyền khởi kiện đòi khoản nợ trên.

Nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu thể hiện bị đơn vay số tiền trên ngoài những phiếu thu tiền ngày 18/7/2012 và 16/8/2012 nên quan điểm của bị đơn là không đồng ý thanh toán khoản vay trên và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 19/2022/KDTM - ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn;

2. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 28/6/2022 là 7.276.344.208 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng số 02 và 04 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên, bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có kháng cáo trình bày:

Tòa án sơ thẩm không khách quan, không xem xét tài liệu, chứng cứ của bị đơn đưa ra, chưa xem xét tính hợp pháp của khoản vay của nguyên đơn và bị đơn. Trong các báo cáo tài chính, sổ sách kế toán của bị đơn không thể hiện số tiền nay này. Người trực tiếp nhận tiền mặt ký vào phiếu thu tiền là hai thủ quỹ, trong khi đó bị đơn chỉ có một thủ quỹ.

Việc nguyên đơn và bị đơn cho nhau vay tiền khi cả hai bên không có chức năng cho vay tài chính, hai bên sử dụng tiền mặt lớn để giao dịch là trái pháp luật.

Nguyên đơn khởi kiện đã hết thời hiệu, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký 02 hợp đồng đồng vay tiền và có biên bản giao nhận tiền do kế toán và thủ quỹ của bị đơn ký nên việc vay là có tiền thật. Nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa án sao kê của Ngân hàng BIDV về việc bị đơn trả một phần tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn theo Hợp đồng số 02 và 04. Nguyên đơn gửi đơn khởi kiện tại Tòa án sơ thẩm vào ngày 30/6/2020.

Nguyên đơn tuy không có đăng ký ngành nghề tài chính nhưng số tiền cho bị đơn vay là tiền nhàn rỗi của nguyên đơn, pháp luật không cấm việc các doanh nghiệp cho nhau vay tiền nên nguyên đơn ký hợp đồng là không trái pháp luật. Hội đồng quản trị của nguyên đơn tuy không có văn bản thông qua hai khoản vay này, nhưng cũng không phản đối. Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên đều tự nguyện và không có sự gian dối.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn: xét thấy nguyên đơn khởi kiện đã quá thời hạn 03 năm, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ được chấp nhận là số tiền theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/7/2014 là 4.209.275.715 đồng. Không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi là 3.067.068.493 đồng.

Theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật mà ký kết hợp đồng mà gây thiệt hại cho doanh nghiệp, thì doanh nghiệp được quyền khởi kiện một vụ kiện dân sự khác yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại án phí sơ thẩm của nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: tranh chấp của nguyên đơn và bị đơn là hai doanh nghiệp phát sinh từ hợp đồng vay vốn là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Bị đơn có trụ sở tại quận Bắc Từ Liêm nên Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận là hai bên đã ký kết Hợp đồng số 02 với nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay khoản tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất là 10%/năm trong thời hạn 09 tháng và Hợp đồng số 04 với nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay khoản tiền 2.200.000.000 đồng với lãi suất là 10%/năm trong thời hạn 09 tháng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền công nợ gốc phát sinh từ các Hợp đồng số 02 và 04 với số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng (bị đơn đã trả 200.000.000 đồng tiền gốc) và tiền lãi tính đến ngày 28/6/2022 là 7.276.344.208 đồng.

Hội đồng xét xử thấy, nguyên đơn và bị đơn đều là hai doanh nghiệp có đầy đủ tư cách pháp nhân, đều do hai người đại diện theo pháp luật ký (bị đơn do ông Nguyễn Gia Dũng làm Tổng giám đốc ký) 02 Hợp đồng vay tiền, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành đối với hai bên. Ngày 31/7/2014, bị đơn do ông Lê Văn Oai làm Tổng giám đốc (người đại diện theo pháp luật vào thời điểm xác nhận) đã ký Biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn với số tiền gốc là 4.000.0000.000 đồng và tiền lãi là 209.275.715 đồng. Ngày 26/10/2015, bị đơn có gửi Công văn số 200/CV về việc giải quyết công nợ với nguyên đơn do bà Lê Thanh Hương làm Chủ tịch hội đồng quản trị ký xác nhận các công nợ trong đó có khoản tiền trên. Như vậy, có thể thấy việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền là có thật và bị đơn đã trả cho nguyên đơn 200.000.000 đồng tiền nợ gốc. Số tiền lãi (từ tháng 1 đến tháng 7/2014) bị đơn cũng xác nhận còn nợ nguyên đơn là 209.275.715 đồng.

Bị đơn cho rằng người đại diện theo pháp luật của bị đơn không được ký 02 Hợp đồng vay vốn vì tại Điều 52.1.2 và Điều 52.2 Điều lệ của bị đơn quy định đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Trường hợp hợp đồng ký kết theo quy định tại khoản 52.1 Điều lệ được ký mà chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật, những người gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường. Điều 50.1 và 50.2 Điều lệ của nguyên đơn cũng quy định tương tự như bị đơn. Như vậy, cả hai người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn và bị đơn ký kết 02 Hợp đồng vay vốn đều không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Sau này nếu xảy ra thiệt hại, thì nguyên đơn và bị đơn được quyền khởi kiện người đại diện theo pháp luật trong một vụ án khác.

Việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền bằng tiền mặt tuy có vi phạm quy định về việc sử dụng tiền mặt, nhưng đây là vi phạm về hành chính và có thể bị xem xét xử phạt, nhưng khoản tiền bị đơn vay của nguyên đơn, bị đơn vẫn có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn. Việc hai doanh nghiệp cho nhau vay tiền nhân rồi là không vi phạm Luật doanh nghiệp năm 2005.

Về thời hiệu khởi kiện, bị đơn cho rằng trong vụ án nguyên đơn khởi kiện khi thời hiệu khởi kiện đã hết và đề nghị Tòa án sơ thẩm áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy Hợp đồng số 02 và 04 được sửa đổi và gia hạn đến ngày 30/6/2014. Ngày 31/7/2014, nguyên đơn và bị đơn ký Biên bản đối chiếu công nợ bị đơn xác nhận còn số tiền gốc là 4.000.0000.000 đồng và tiền lãi (từ tháng 1 đến tháng 7/2014) là 209.275.715 đồng. Ngày 26/10/2015, bị đơn có gửi Công văn số 200/CV về việc giải quyết công nợ trên cho nguyên đơn do bà Lê Thanh Hương Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty ký xác nhận lại công nợ đối với nguyên đơn.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện trong vụ tranh chấp hợp đồng vay vốn giữa nguyên đơn, bị đơn là ngày 27/10/2015. Đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 30/6/2020, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm nhận được ngày 02/7/2020, đối chiếu với quy định tại Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nguyên đơn khởi kiện đã quá thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày 27/10/2015. Tòa án sơ thẩm đã không xem xét đến vấn đề thời hiệu và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự về thời hiệu, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa lại một phần Bản án sơ thẩm, áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận số tiền theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/7/2014, với tổng số tiền gốc là 4.000.0000.000 đồng, và tiền lãi (từ tháng 1 đến tháng 2/2014) là 209.275.715 đồng.

Như đã phân tích trên, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, nguyên đơn khởi kiện khi đã hết thời hiệu theo quy định tại các điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 184, 185 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã có ý kiến đề nghị Tòa án sơ thẩm áp dụng thời hiệu khởi kiện, nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm đã không xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc và lãi là chưa đúng, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong các vụ án có tính chất tương tự.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa Bản án sơ thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật. Sửa lại về án phí sơ thẩm với bị đơn, nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 293, 294 và 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 108 Luật doanh nghiệp 2005;
- Các điều 128, 137 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Điều 429 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xö :

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần bê tông XDHN.

2. Sửa Bản án sơ thẩm số 19/2022/KDTM- ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần vật liệu và XDHN.

- Buộc Công ty cổ phần bê tông XDHN có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty cổ phần vật liệu và xây dựng Hà Nội số tiền nợ gốc của Hợp đồng vay vốn số 02/2012/HĐVV ngày 18/7/2012 và Hợp đồng vay vốn số 04/2012/HĐVV ngày 16/8/2012 số tiền là 4.209.275.715 (bốn tỷ hai trăm linh chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm mười lăm) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần vật liệu và XDHN buộc Công ty cổ phần bê tông XDHN có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi là 3.067.068.493 (ba tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng.

Kể từ ngày kế tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm Công ty cổ phần bê tông XDHN còn phải chịu lãi suất của số tiền 4.209.275.715 (bốn tỷ hai trăm linh chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm mười lăm) đồng theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 10%/năm cho đến khi thi hành xong khoản tiền này.

3. Về án phí:

a. Án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần bê tông XDHN phải chịu án phí sơ thẩm là 112.209.000 (một trăm mười hai triệu hai trăm linh chín nghìn) đồng.

Công ty cổ phần vật liệu và XDHN phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp Công ty cổ phần vật liệu và XDHN là 57.240.000 (năm mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai số 3946 ngày 23/10/2020 và 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai số 42881 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm. Công ty cổ phần vật liệu và XDHN còn phải nộp 32.760.000 (ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

b. Án phí phúc thẩm: hoàn trả cho Công ty cổ phần bê tông XDHN số tiền án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng tại Biên lai số 0043260 ngày 22/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành